

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH S**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38 /2022/DS-PT

Ngày 14 - 9 - 2022

V/v: *Tranh chấp quyền  
sử dụng đất*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH S**

**Tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở TAND tỉnh S**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Mai Lan.
- *Các Thẩm phán:* Ông Hoàng Văn Tuyên và bà Lại Thị Hiếu.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cường, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh S.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hoa, Kiểm sát viên.

**Tại điểm cầu thành phần: trụ sở TAND huyện P , tỉnh S**

- Hỗ trợ phiên tòa tại điểm cầu thành phần: Bà Phan Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh S xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2022/TLPT-TC ngày 27 tháng 5 năm 2022 về Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2022/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2022/QĐPT ngày 04 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Hà Văn Đ, sinh năm 1972 và bà Sa Thị H, sinh năm 1973. Đều trú tại: Bản KT, xã TL, huyện P, tỉnh S. Đều có mặt.

**2. Bị đơn:** Bà Hà Thị T, sinh năm 1969, địa chỉ: Bản KT, xã TL, huyện P, tỉnh S. Có mặt.

Ông Sa Đình K, sinh năm 1961, địa chỉ: Bản KT, xã TL, huyện P, tỉnh S. Vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Hà Thị T:* Ông Đỗ Văn T, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Đỗ T, Đoàn Luật sư tỉnh S. Vắng mặt.

**4. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Sa Đình N, sinh năm 1995, địa chỉ: Bản KT, xã TL, huyện P, tỉnh S.  
Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Hà Thị T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Sa Thị H và ông Hà Văn Đ trình bày:* Năm 2004, gia đình ông được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 748051 ngày 27/5/2004 mang tên Hà Văn Đ với tổng diện tích 17.382m<sup>2</sup>, quá trình sử dụng không có tranh chấp, gia đình có bố mẹ ở cùng, khi ông Hà Văn I (bố đẻ của ông Đ, bà T) ốm nặng, ông K và bà T đã đưa ông I về để chăm sóc; được một thời gian, đến ngày 12/9/2016 ông K, bà T đưa ông I về ở cùng ông Đ, đồng thời các thành viên trong gia đình họp và thống nhất giao toàn bộ diện tích đất của ông Hà Văn I cho vợ chồng ông Đ quản lý sử dụng, ông Đ, bà H đồng ý đổi cho ông K, bà T 01 mảnh đất khoảng 209m<sup>2</sup> nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ nằm ở cạnh trường cấp 3 TL. Sau khi đổi đất, ông K và bà T có cải tạo san lấp đất và dựng nhà ở, công trình phụ trên đó. Do gia đình ông K không giao sổ đỏ của ông I cho ông Đ quản lý, nên phát sinh tranh chấp mặc dù đã được UBND xã giải quyết nhiều lần nhưng không thành, nay ông Đ, bà H yêu cầu ông K, bà T trả lại đất cho vợ chồng anh, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

*Theo bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Hà Thị T và ông Sa Đình K và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hà Thị T trình bày:* Trước đây được sự đồng ý của vợ chồng ông Đ, bà H cho chúng tôi mảnh đất khoảng 200m<sup>2</sup> tại công trường cấp 3 TL, quá trình sử dụng gia đình tôi đã cải tạo như xây kè bờ suối, san nền, lập đất dựng nhà và công trình phụ để ở. Nay ông Đ, bà H yêu cầu trả lại mặt bằng như ban đầu tôi không nhất trí, nếu gia đình ông Đ đòi lại thì phải thanh toán toàn bộ chi phí cho chúng tôi.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 08/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định:*

Căn cứ khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 158 và khoản 1 Điều 166 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Buộc ông Sa Đình K và bà Hà Thị T phải có trách nhiệm trả lại toàn bộ diện tích đất là 175,4m tại công trường cấp 3 xã TL, huyện P cho ông Hà Văn Đ

và bà Sa Thị H quản lý, sử dụng. Trong đó: 81,1m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 32, thửa số 293 ghi trong GCNQSDĐ số W: 748051 cấp ngày 27/5/2004 mang tên Hà Văn Đ; 94,3m<sup>2</sup> thuộc thửa số 269, 293 tờ bản đồ số 32 bản đồ địa chính của xã TL thuộc đất hành lang an toàn giao thông và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 nhà xây cấp 4 diện tích 39,4m<sup>2</sup> nền lát gạch gốm Hạ Long, mái khung sắt 01 nửa lợp tôn và 01 nửa lợp lá cọ, công trình phụ, tường rào hoa sắt, cổng sắt, trụ cổng xây, kê xây đá học cho ông Hà Văn Đ và chị Sa Thị H sở hữu.

Các tứ cạnh: Phía Tây giáp đất ông Sang N; phía Bắc giáp suối; phía Đông giáp đường bê tông đi vào trường cấp 3 xã TL và phía Nam giáp đường nhựa tỉnh lộ 114.

2. Ông Hà Văn Đ và bà Sa Thị H phải có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản bằng tiền cho ông Sa đình K, bà Hà thị T tổng số tiền là 170.420.000đ trong đó mỗi người được hưởng 85.210.000đ

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Hà Thị T kháng cáo không nhất trí với toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh S. Đề nghị bổ sung: Không trả lại đất vì đất tranh chấp đã được thu hồi, bồi thường cho nhà ông Đ, bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 14/7/2022:

Bị đơn bà Hà Thị T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, thẩm định tại chỗ đối với toàn bộ diện tích đất tại thửa số 293, tờ bản đồ số 32 công trường cấp 3 xã TL, huyện P và cho rằng đất đã bị thu hồi để làm trường học.

Nguyên đơn anh Hà Văn Đ và chị Sa Thị H nhất trí với ý kiến của bị đơn, đề nghị tạm ngừng phiên tòa để xem xét, thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất đang tranh chấp.

Xét đề nghị của nguyên đơn và bị đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của nguyên đơn và bị đơn tạm ngừng phiên tòa để tiến hành xem xét thẩm định lại toàn bộ diện tích đất tranh chấp tại thửa số 293, tờ bản đồ số 32 công trường cấp 3 xã TL, huyện P.

Tại phiên tòa ngày 14/9/2022

Nguyên đơn ông Hà Văn Đ và chị Sa Thị H nhất trí với bản án sơ thẩm, lý do: Ngày 12/9/2016, gia đình anh chị có thỏa thuận đổi đất cho vợ chồng ông bà T K để xây dựng nhà cho con, gia đình ông K, bà T phải giao lại toàn bộ giấy tờ về quyền sử dụng đất của ông Hà Văn Ính (bố đẻ của ông Đ, bà T). Tuy nhiên, ông bà T K không thực hiện như thỏa thuận nên gia đình ông Đ, bà H yêu cầu gia đình ông K, bà T phải trả lại đất trên. Ông Đ, bà H nhất trí với quyết định của bản

án sơ thẩm giải quyết buộc ông Sa Đình K và bà Hà Thị T phải trả lại diện tích đất đang tranh chấp cho gia đình ông bà và gia đình ông bà có trách nhiệm trả giá trị tài sản trên đất đã thẩm định.

Ý kiến của bị đơn không nhất trí với bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm với lý do: Diện tích đất tranh chấp tại cổng trường cấp 3 xã TL hai gia đình đã thỏa thuận đổi cho nhau. Quá trình sử dụng, gia đình bà và con trai là anh Sa Đình N đã cải tạo, xây kè bờ suối, san nền, lấp đất dựng nhà và công trình phụ để cho con ở từ 2016 đến nay. Nay ông Đ, bà H yêu cầu trả lại mặt bằng như ban đầu là không hợp lý việc đổi này có liên quan đến diện tích ông Đ đã bán cho gia đình anh chị Nghĩa Sang và số ruộng khác, nên không đồng ý trả lại đất .

Ý kiến người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Diện tích đất tranh chấp đã được nhà nước thu hồi và đền bù, khi nhà nước yêu cầu tháo dỡ nhà tôi chấp hành.

Ý kiến của Luật sư tại bài luận cứ: Đất tranh chấp hiện nay đã được làm nhà, có tài sản trên đất cho vợ chồng con anh N sử dụng ổn định từ 2016 đến nay; đất đã được thu hồi toàn bộ và đền bù cho nhà ông Đ, bà H; đề nghị không chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của Nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Xác Định toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp đã được thu hồi và đền bù; Tòa sơ thẩm đã giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn, cần rút kinh nghiệm; Kiến nghị Ủy ban nhân xã TL về quản lý đất đã được thu hồi.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn Đ, bà Sa Thị H đối với bà Hà Thị T, ông Sa Đình K về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Về án phí, lệ phí tố tụng giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

### *[1] Về tố tụng*

*[1.1] Về quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn bà Sa Thị H và ông Hà Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Sa Đình K và bà Hà Thị T trả lại phần diện tích đất khoảng 209m<sup>2</sup>, đất có nguồn gốc khai hoang, cho và đổi đất; diện tích đất tranh chấp có một phần nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hà Văn Đ do Ủy ban nhân dân huyện P cấp; bị đơn ông Sa Đình K và bà Hà Thị T không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn Đ, bà Sa Thị H cho rằng đã đổi đất ở ruộng cho nguyên đơn để lấy thửa đất đang tranh chấp nêu trên; tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân xã TL, huyện P hòa giải nhưng không thành nên Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đ, bà H là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 203 Luật Đất đai.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Hà Thị T kháng cáo trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên kháng cáo được xem xét theo quy định của pháp luật.

*[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:* Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Sa Đình K vắng mặt nhưng đã có lời khai và ý kiến nhất trí với bản án sơ thẩm, không kháng cáo và có đơn xin xét xử vắng mặt; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hà Thị T - Luật sư Đỗ Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bài luận cứ bảo vệ quyền cho bà T, mặt khác ông Sa Đình K và ông Đỗ Văn T đã được triệu tập hợp lệ hai lần, việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*[1.3] Về người tham gia tố tụng:* Bà T, ông K là chị gái ruột của ông Đ, bà H. Do là chị em nên hai bên gia đình đã đổi đất cho nhau nhằm mục đích gia đình ông K, bà T làm nhà cho con trai là anh Sa Đình N; anh N đã sử dụng và cùng bố mẹ tôn tạo tài sản trên diện tích đất tranh chấp từ năm 2016 cho đến nay. Xét thấy, việc đưa anh Sa Đình N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là cần thiết để đảm bảo quyền và nghĩa vụ cho anh Sa Đình N.

### *[2] Về nội dung*

Xét nguồn gốc đất tranh chấp: Căn cứ kết quả thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm ngày 05/8/2021, diện tích Đất đang tranh chấp có diện tích 175,4m<sup>2</sup> trong đó có một phần (21,3m<sup>2</sup>) thuộc thửa số 293, xác định nằm trong diện tích mang tên ông Hà Văn Đ đã được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W: 748051 ngày 27/5/2004, đất thuộc thửa số 269 mang tên ông Hà Văn K: 26,4m<sup>2</sup> và còn lại là đất lòng suối, đất hành lang và đều bị UBND huyện P thu hồi năm 2009.

Tại Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 20/3/2009 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc phê duyệt giá trị đền bù giải phóng mặt bằng dự án: Giải phóng mặt bằng Trường PTTH TL, huyện P và Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 25/3/2009 của UBND huyện P về việc thu hồi 38.918,3 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp của 40 chủ sử dụng đất tại bản Khến, xã TL để chuyển mục đất sử dụng đất xây dựng trường PTHTL, huyện P. Hộ gia đình ông Hà Văn Đ đã bị UBND huyện P thu hồi 234,9 m<sup>2</sup> đất và đã nhận đền bù 1.879.000 đồng, đất thuộc thửa số 293, tờ bản đồ số 32 xã TL. Do đó, diện tích đất tranh chấp trên không thuộc quyền sở hữu của ông Hà Văn Đ và Sa Thị H.

Theo Báo cáo số 88/BC-UBND ngày 24/8/2022 của UBND xã TL về việc xác minh nguồn gốc đất tranh chấp giữa bà Sa Thị H, ông Hà Văn Đ và ông Sa Đình K, bà Hà Thị T tại bản Khến Tiên, xã TL, nội dung: Diện tích tại thửa số 268, 269, 293 (bao gồm cả thửa 295, 296), tờ bản đồ số 32 xã TL đã được UBND huyện P thu hồi toàn bộ và đền bù giải phóng mặt bằng để xây dựng trường THPT TL theo Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 25/3/2009 và Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 20/3/2009 của UBND huyện P. Hiện nay diện tích đất đó thuộc UBND xã TL quản lý theo Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 07/5/2012 của UBND tỉnh S về việc chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Trường THPT TL tại bản Khến Tiên, xã TL, huyện P.

Trong quá trình giải quyết việc tranh chấp đất trên bà T và ông K đã giải quyết ly hôn (Quyết định thật tình ly hôn số 94/2021/QQĐST-HNGĐ ngày 20/5/2012 của TAND huyện P) theo đó: Đương sự chưa giải quyết về vấn đề tài sản chung nên Tòa sơ thẩm đã phân chia theo phần tổng giá trị tài sản trên đất tranh chấp là 170.420.000đ. Buộc ông Đ, bà H phải trả cho ông K, bà T mỗi người là 85.210.000đ và buộc anh chị phải trả lại toàn bộ diện tích đất là 175,4m<sup>2</sup> tại cổng trường cấp 3 TL cho ông Đ, bà H là vượt quá yêu cầu phạm vi khởi kiện, chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật về chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn, cần rút kinh nghiệm. Bởi phần tài sản trên diện tích đất tranh chấp, các hộ tự lấn chiếm và xây dựng công trình trên đất sau khi đã được UBND huyện thu hồi theo các Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 25/3/2009 và Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 20/3/2009 của UBND huyện P.

Từ sự phân tích, nhận định trên có đủ cơ sở để xác định diện tích đất tranh chấp tại cổng trường cấp 3 TL đã bị thu hồi. Do đó, chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **[3] Về án phí, lệ phí:**

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hà Văn Đ và bà Sa Thị H phải chịu án phí

dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, bản án sơ thẩm bị sửa nên bà Hà Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tố tụng là 11.000.000đ (đã thu và chi theo quy định), trong đó ông Hà Văn Đ và bà Sa Thị H đã chịu 6.800.000đ, bà Hà Thị T tự nguyện chịu 4.200.000đ, bà T không yêu cầu ông Đ, bà H phải chịu phần chi phí tố tụng phúc thẩm; căn cứ Điều 156, Điều 157 BLTTDS xét sự nguyện của bà T là phù hợp cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị T, sửa bản án sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh S như sau:

**1.** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sa Thị H, ông Hà Văn Đ yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Sa Đình K và bà Hà Thị T phải trả lại diện tích đất tại công trường cấp 3 xã TL, huyện P.

**2. Về án phí và chi phí tố tụng:** Căn cứ Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 158 BLTTDS, khoản 2 Điều 29 NQ 326 QH ngày 30/12/2016 của QH về án phí lệ phí Tòa án

- Về Án phí sơ thẩm: Ông Hà Văn Đ, bà Sa Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu số AA/2019/0000775 ngày 29/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh S.

- Về Án phí phúc thẩm: Hoàn trả lại cho Bà Hà Thị T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0000475 ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh S.

- Tổng chi phí tố tụng là 11.000.000đ (đã thu và chi theo quy định), trong đó ông Hà Văn Đ và bà Sa Thị H chịu 6.800.000đ, bà Hà Thị T chịu 4.200.000đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 14/9/2022)

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9*

*Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”*

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Văn Tuyền**

**Lại Thị Hiếu**

**Đinh Thị Mai Lan**

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh S;
- Tòa án nhân dân huyệnP;
- Chi cục THADS huyệnP;
- Các đương sự;
- KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Mai Lan**

